

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 28/10/2019.

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lương Minh Suốt.

2. Bà Lý Thị Đào.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đoàn Văn Khải – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 168/2019/TLST-HNGĐ ngày 28/6/2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2019/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đinh Thị Kim C, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Con chung từ 07 tuổi trở lên: Cháu Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp H, thị trấn M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn đề ngày 20/6/2019, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Đinh Thị Kim C trình bày: Bà và ông Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống được 23 năm, đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do quan điểm sống không còn hợp nhau nữa. Nay bà C xác định hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm với nhau, đời sống chung không thể kéo dài được, nên bà C yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Có 03 người con tên Nguyễn Đình Chấn K, sinh ngày 02/02/2000, đã đủ tuổi trưởng thành; Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004; Nguyễn Đình Đông N, sinh ngày 06/10/2014. Hiện nay con chung đang sống với bà C. Bà C yêu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung Nguyễn Đình Chấn L và Nguyễn Đình Đông N đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 06/8/2019, bị đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày:* Ông và bà Đinh Thị Kim C kết hôn năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên. Nay bà C yêu cầu ly hôn ông không có ý kiến và đồng ý theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Đồng ý theo yêu cầu của bà C.

Về tài sản chung; nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại biên bản ghi lời khai ngày 05/8/2019, con từ 07 tuổi trở lên là cháu Nguyễn Đình Chấn L trình bày:* Khi cha, mẹ cháu là bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T ly hôn, các cháu có nguyện vọng sống với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đinh Thị Kim C được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T; Về con chung: Giao cho bà Đinh Thị Kim C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004 (theo nguyện vọng của Nguyễn Đình Chấn Long) và Nguyễn Đình Đông N, sinh ngày 06/10/2014 đến tuổi trưởng thành. Đối với con chung là Nguyễn Đình Chấn K, sinh ngày 02/02/2000, đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét. Ông Nguyễn Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị Kim C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng: Bị đơn, ông Nguyễn Thanh T đã được cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ

hai nhưng ông T vắng mặt tại phiên tòa, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn ông Nguyễn Thanh T.

Về nội dung:

[1] Vụ kiện của bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T là loại kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T kết hôn vào năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Xuyên. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, tại phiên tòa bà C cho rằng trong cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Nay bà C kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T và tại bản tự khai ngày 06/8/2019 ông T cũng không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà C, ông đồng ý theo quy định của pháp luật (BL 19). Qua đó, thấy rằng bà C và ông T không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, nên mục đích hôn nhân của bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Đinh Thị Kim C.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Đinh Thị Kim C và ông Nguyễn Thanh T có 03 người con chung, cụ thể:

[2.1] Nguyễn Đình Chấn K, sinh ngày 02/02/2000, đã đủ tuổi trưởng thành, không đặt ra xem xét;

[2.2] Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004; Nguyễn Đình Đông N, sinh ngày 06/10/2014, hiện nay con chung đang sống với bà C, bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai người con chung là Nguyễn Đình Chấn L và Nguyễn Đình Đông N đến tuổi trưởng thành. Cháu Nguyễn Đình Đông N chưa đủ 07 tuổi, nhưng tại bản tự khai ngày 06/8/2019 (BL 19) ông T đồng ý với yêu cầu được nuôi con của bà C. Còn đối với cháu Nguyễn Đình Chấn L có nguyện vọng được sống với mẹ (BL 18), nguyện vọng của cháu L là hợp lý và chính đáng nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho bà Đinh Thị Kim C được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung là Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004 (theo nguyện vọng của cháu L) và Nguyễn Đình Đông N, sinh ngày 06/10/2014 đến tuổi trưởng thành.

[3] Ông Nguyễn Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị Kim C trực tiếp nuôi con, nhưng bà cho rằng đủ khả năng để nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử thống nhất ghi nhận ý kiến của bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Bà Đinh Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm theo định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

[8] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đinh Thị Kim C được quyền ly hôn với ông Nguyễn Thanh T.

[2] Về con chung:

[2.1] Giao cho bà Đinh Thị Kim C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Nguyễn Đình Chấn L, sinh ngày 17/11/2004 (theo nguyện vọng của cháu Long) và Nguyễn Đình Đông N, sinh ngày 06/10/2014 đến tuổi trưởng thành.

[2.2] Đối với con chung tên Nguyễn Đình Chấn K, sinh ngày 02/02/2000, đã đủ tuổi trưởng thành nên không đặt ra xem xét.

[3] Ông Nguyễn Thanh T được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Đinh Thị Kim C không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Bà Đinh Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà C đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008989 ngày 27/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Như vậy, bà C đã nộp xong.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận

được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND TT Mỹ Xuyên
(CNKH số 69, quyền số 01
ngày 16/12/1996);
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Ái Mỹ

